

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TW I

GIÁO TRÌNH
THỐNG KÊ XÃ HỘI HỌC
(Lưu hành nội bộ)

Hà Nội, năm 2017

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	6
CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA THỐNG KÊ XÃ HỘI	7
1. Đối tượng nghiên cứu thống kê	7
1.1 Sự ra đời và phát triển của thống kê	7
1.2 Đối tượng nghiên cứu của thống kê	7
1.3 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê	8
2. Cơ sở lý luận, phương pháp luận của thống kê	12
2.1. Cơ sở lý luận của thống kê	12
2.2. Cơ sở phương pháp luận của thống kê	13
3. Tính liên quan giữa thống kê xã hội với chính sách và thực hành công tác xã hội	13
CHƯƠNG 2: QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA THỐNG KÊ	15
1. Điều tra thống kê	15
1.1 Khái niệm	15
1.2. Ý nghĩa và nhiệm vụ của điều tra thống kê	16
2. Các phương pháp điều tra thống kê và phương pháp thu thập tài liệu, hình thức điều tra thống kê	17
2. 1. Phương pháp điều tra trực tiếp	17
2.2. Phương pháp điều tra gián tiếp	18
1.3. Những vấn đề chủ yếu của điều tra thống kê	21
2. Tổng hợp thống kê	21
2.1. Khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ của tổng hợp thống kê	21
2.2. Những vấn đề chủ yếu của tổng hợp thống kê	23
2.3. Bảng thống kê	24
2.4. Đồ thị thống kê	29
3. Phân tổ thống kê	34
3.1. Khái niệm về phân tổ thống kê	34
3.2. Tiêu thức phân tổ	37
3.3. Xác định số tổ	38
3.4 Chỉ tiêu giải thích:	41
4. Phân tích và dự đoán thống kê	41
4.1 Khái niệm về dự đoán thống kê	42
CHƯƠNG 3: CÁC MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG KINH TẾ - XÃ HỘI	43
1. Sai số trong điều tra thống kê	43
2. Số tuyệt đối trong thống kê	45
2.1. Khái niệm	45
2.2 Ý nghĩa đặc điểm của số tuyệt đối	45
2.3. Đơn vị tính của số tuyệt đối	45
2.4. Các loại số tuyệt đối	45

3. Số tương đối trong thống kê	3.1. Khái niệm	45
2.4. Các loại số tương đối		46
2.5. Tính chất của số tương đối		48
2.6. Đơn vị tính của số tương đối		48
3. Số bình quân trong thống kê		48
3.1. Khái niệm, ý nghĩa số bình quân trong thống kê		48
3.2 Tính chất		49
3.3. Các loại số bình quân		51
3.4. Điều kiện vận dụng số bình quân		52
4. Số trung vị (Me)		52
CHƯƠNG 4: NGHIÊN CỨU SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA HIỆN TƯỢNG KINH TẾ XÃ HỘI		52
1. Phương pháp dãy số thời gian		52
1.1. Khái niệm về dãy số thời gian		52
1.2 Ý nghĩa của dãy số thời gian		52
1.3 Cấu tạo của dãy số thời gian		53
1.4 Các dạng dãy số thời gian		53
2. Xác định chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian		54
2. 1. Mức độ trung bình theo thời gian:		54
2.2 Lượng tăng (giảm) tuyệt đối:		55
2.3 Lượng tăng (giảm) tuyệt đối trung bình:		56
3. Vận phát triển (lần, %):		56
3.1 Tốc độ phát triển từng kỳ (liên hoàn): Biểu hiện sự biến động về mặt tỷ lệ của hiện tượng giữa hai kỳ liên nhau.		56
3.3 Tốc độ phát triển trung bình:		57
4. Tốc độ tăng (giảm):		57
4.1 Tốc độ tăng (giảm) từng kỳ (hay liên hoàn)		57
4.2 Tốc độ tăng (giảm) định gốc:		57
4.3 Tốc độ tăng (giảm) trung bình:		58
2. Phương pháp tính chỉ số		58
2.1. Khái niệm, đặc điểm, tính chất, phân loại chỉ số		58
2.2. Phương pháp tính chỉ số		58
CHƯƠNG 5: THỐNG KÊ MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI		62
1. Bảo hiểm xã hội		62
1.1. Ý nghĩa nghiên cứu		62
1.2 Nhiệm vụ nghiên cứu		65
2. Thống kê ưu đãi xã hội		65
2.1. Ý nghĩa nhiệm vụ		65
2.2. Phương pháp nghiên cứu		65
2.3. Hệ thống chỉ tiêu		66

2.4. Hệ thống biểu mẫu báo cáo	66
3. Thống kê giáo dục đào tạo	66
3.1. Khái niệm và nhiệm vụ	66
3.2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê giáo dục đào tạo	67
4. Thống kê tiêu cực xã hội, tội phạm và phòng chống tệ nạn xã hội	76
4.1. Khái niệm chung	
4.2. Các chỉ tiêu thống kê	76
4.3. Các phương pháp phân tích	76
CHƯƠNG 6: PHÂN TÍCH VÀ ÁP DỤNG THỐNG KÊ XÃ HỘI ĐỂ GIÚP XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI	76
1. Nghiên cứu số liệu liên quan tới các vấn đề xã hội trong cộng đồng	76
2. Phân tích số liệu có liên quan đến dự án và chương trình	76
3. Sử dụng các số liệu cho xây dựng chương trình và dự án	76
4. Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá để đánh giá kết quả thực hiện hoạt động thông qua việc so sánh với số liệu thống kê trước đó	76
5. Viết và chia sẻ báo cáo kết quả dự án	76

LỜI NÓI ĐẦU

Thống kê xã hội là môn lý thuyết kỹ thuật cơ sở quan trọng của chương trình đào tạo nghề công tác xã hội, liên quan đến nội dung công việc của nhân viên xã hội.

Môn học giúp người học nắm được cơ bản các phương pháp thống kê; hiểu được quá trình nghiên cứu thống kê các vấn đề xã hội; nắm chắc phương pháp phân tích và dự báo trong lĩnh vực xã hội. Qua đó người học có khả năng vận dụng thành thạo các phương pháp thống kê trong nghiên cứu các vấn đề xã hội; điều tra, thống kê; tổng hợp số liệu; viết báo cáo

Giáo trình *Thống kê xã hội* được biên soạn theo chương trình dạy nghề trình độ Cao đẳng Công tác xã hội của Trường Cao đẳng GTVTTW1, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về thống kê trong nghiên cứu, phân tích các vấn đề xã hội hiện nay. Cuốn giáo trình gồm 3 chương:

Chương 1: Đối tượng nghiên cứu của thống kê xã hội

Chương 2: Quá trình nghiên cứu của thống kê

Chương 3: Các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội

Chương 4: Nghiên cứu sự biến động của hiện tượng kinh tế xã hội

Chương 5: Thống kê một số vấn đề xã hội

Thống kê xã hội ở nước ta hiện nay vẫn còn là một lĩnh vực mới mẻ, chưa được quan tâm chú ý thoả đáng. Mặt khác, do điều kiện thời gian không cho phép nên trong quá trình biên soạn sẽ không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp, bổ sung của các cán bộ quản lý và của độc giả để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong thời gian gần nhất.

KHOA SƯ PHẠM DẠY NGHỀ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VTTWI

Chương 1: Đối tượng nghiên cứu của thống kê xã hội

1. Đối tượng nghiên cứu thống kê

1.1 Sự ra đời và phát triển của thống kê

Thống kê xã hội là việc đo lường, đánh giá tất cả các hiện tượng xã hội như: Dân số, mức sống dân cư, văn hóa, giáo dục, hôn nhân và gia đình, sức khỏe và dinh dưỡng...

Trong hiến chương của Liên Hợp Quốc Điều 55 có ghi: “ Các chuẩn mực về mức sống cao hơn, có đầy đủ việc làm và các điều kiện của sự tiến bộ kinh tế, xã hội và phát triển”. Mỗi quan tâm này đã được phản ánh lâu dài trong công tác thống kê của Liên Hợp Quốc .

Việc lựa chọn và biên soạn các chỉ tiêu thống kê xã hội phản ánh mức sống và các điều kiện kinh tế xã hội có liên quan, có xem xét đến sự phát triển toàn diện của con người cả về trí tuệ, sức khỏe và đạo đức. Con người có sức khỏe mới có khả năng tham gia lao động tạo ra năng suất lao động cao. Con người được đào tạo cả về thể lực, trí lực là nguồn nhân lực có trí tuệ xây dựng đất nước phồn vinh.

Chúng ta phải thống kê các hiện tượng xã hội để thấy được một cách cụ thể xã hội phát triển đến đâu, mức sống vật chất và tinh thần của dân cư ra sao? Mối quan hệ giữa con người với con người diễn ra như thế nào? Tình hình sức khỏe và dinh dưỡng của mỗi vùng và cả nước? Trình độ dân trí của nhân dân? Kết quả thực hiện các chủ trương chính sách, các chương trình?

Thống kê xã hội với tư cách là việc ghi chép các hiện tượng xã hội đã có từ lâu, kể từ khi loài người biết dùng kí hiệu hoặc chữ viết để ghi chép lại các hiện tượng xã hội hoặc các hoạt động của mình như các hiện tượng về dân số , số sản phẩm làm ra hoặc sản bắt đượcTuy nhiên trong quá trình phát triển của thống kê nói chung thì thống kê kinh tế có phần phát triển nhanh hơn thống kê xã hội

Ở Việt Nam, những năm gần đây cùng với những chủ trương chính sách của Nhà nước, nhờ sự quan tâm của một số tổ chức quốc tế như UNICEF, UNFPA nhiều dự án được thực hiện đã thu được một lượng thông tin xã hội đáng kể phục vụ cho so sánh quốc tế. Thống kê xã hội hiện nay đang được đưa lên đúng vị trí quan trọng của nó.

1.2 Đối tượng nghiên cứu của thống kê

Thống kê xã hội là một môn khoa học, có đối tượng và phạm vi nghiên cứu riêng.

Đối tượng nghiên cứu của Thống kê xã hội là mặt lượng trong mối liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng và quá trình xã hội số lớn, diễn ra trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

Hiện tượng xã hội là những hiện tượng về dân số, lao động, việc làm, giáo dục đào tạo, hôn nhân và gia đình, y tế, bảo vệ sức khỏe và dinh dưỡng, văn hóa, thể thao, trật tự an toàn xã hội...

Hiện tượng xã hội là hiện tượng đa dạng, phức tạp. Có liên quan đến rất nhiều lĩnh vực. Muốn đánh giá được các hiện tượng xã hội phải đo lường được chúng. Việc đo lường các hiện tượng xã hội phải được thể hiện thông qua 2 nhóm chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu đo lường định lượng
- Chỉ tiêu đo lường định tính.

Đối với các hiện tượng có thể nhìn thấy, sờ thấy được như: số dân, số lao động, số lượng hàng hóa tiêu dùng... thì dùng chỉ tiêu đo lường định lượng không khó.

Đối với các hiện tượng xã hội không nhìn thấy, sờ thấy như: Đạo đức, thái độ, trí thông minh... của con người thì rất khó đo lường, phải dùng chỉ tiêu định tính. Đây là tính đặc thù của hiện tượng xã hội, nên khi phân tích thống kê phải có những phương pháp đặc thù để nghiên cứu.

1.3 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê

1.3.1 Tổng thể thống kê và đơn vị tổng thể

a) Tổng thể thống kê:

Tổng thể thống kê (còn gọi là tổng thể chung) là tập hợp các đơn vị cá biệt (hay phần tử) thuộc hiện tượng nghiên cứu, cần quan sát, thu thập và phân tích mặt lượng của chúng theo một hay một số tiêu thức nào đó.

Xác định tổng thể là xác định phạm vi của đối tượng nghiên cứu. tùy theo mục đích nghiên cứu mà tổng thể xác định có khác nhau.

Ví dụ: Dân số trung bình của Việt Nam năm 2003 là 80,9 triệu người thì tổng số dân trung bình năm 2003 là tổng thể thống kê; Hoặc số mẫu đất phân tích tính chất lý hóa để lập bản đồ nông hóa thổ nhưỡng của 1 xã năm 2004 là 300 mẫu thì tổng số mẫu đất cần phân tích năm 2004 là một tổng thể.

b) Đơn vị tổng thể

Các đơn vị cá biệt (hay phần tử) cấu thành nên tổng thể thống kê gọi là đơn vị tổng thể. Tùy mục đích nghiên cứu mà xác định tổng thể và tư thế xác định được đơn vị tổng thể.

Ví dụ: (quay lại ví dụ trên): Đơn vị tổng thể là người dân, là từng mẫu đất đơn vị.

Tổng thể bao giờ cũng có đơn vị tính phù hợp.

Đơn vị tổng thể là xuất phát điểm của quá trình nghiên cứu thống kê, bởi vì nó chứa đựng những thông tin ban đầu cần cho quá trình nghiên cứu. Trên thực tế có xác định được đơn vị tổng thể thì mới xác định được tổng thể. Thực chất xác định tổng thể là xác định các đơn vị tổng thể.

c) Các loại tổng thể thống kê

*) Tổng thể bộc lộ: Tổng thể trong đó bao gồm các đơn vị (hay phần tử) mà ta có thể quan sát hoặc nhận biết trực tiếp được.

Thí dụ: Tổng số sinh viên của trường đại học Nông nghiệp I năm học **2005-2006**

*) Tổng thể tiềm ẩn: Tổng thể trong đó bao gồm các đơn vị (hay phần tử) mà ta không thể quan sát hoặc nhận biết trực tiếp được.

Thí dụ: Tổng số sinh viên yêu ngành Nông nghiệp

*) Tổng thể đồng chất: Tổng thể trong đó bao gồm các đơn vị (hay phần tử) giống nhau ở một hay một số đặc điểm chủ yếu có liên quan đến mục đích nghiên cứu.

Thí dụ: sản lượng lúa của Việt Nam năm 2004.

*) Tổng thể không đồng chất: Tổng thể trong đó bao gồm các đơn vị (hay phần tử) không giống nhau ở một hay một số đặc điểm chủ yếu có liên quan đến mục đích nghiên cứu.

Thí dụ: Sản lượng các loại cây hàng năm

*) Tổng thể mẫu: Tổng thể bao gồm một số đơn vị được chọn ra từ tổng thể chung theo một phương pháp lấy mẫu nào đó.

Thí dụ: Số sinh viên được chọn tham dự Đại hội Đảng bộ Trường đại học nông nghiệp I Hà Nội năm 2005 là 150 người.

1.3.2 Tiêu thức

Tiêu thức thống kê là chỉ đặc tính của đơn vị tổng thể.

Ví dụ: Mỗi người dân có tiêu thức giới tính, độ tuổi, trình độ văn hóa, nghề nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có các tiêu thức như số lao động, diện tích đất, vốn cố định, vốn lưu động...

Mỗi đơn vị tổng thể có nhiều tiêu thức. Mỗi tiêu thức có thể biểu hiện giống nhau hoặc khác nhau ở các đơn vị tổng thể. Tiêu thức được phân chia thành các loại sau:

*) Tiêu thức bất biến biểu hiện giống nhau ở mọi đơn vị tổng thể, căn cứ vào tiêu thức này người ta tập hợp các đơn vị tổng thể xây dựng nên tổng thể.

Ví dụ: Tiêu thức quốc tịch “Việt Nam” xây dựng tổng thể dân số Việt Nam. Giới tính “nam”, “nữ” xây dựng tổng thể dân số nữ, dân số nam.

- Tiêu thức biến động là tiêu thức biểu hiện của nó không giống nhau ở các đơn vị tổng thể. Ví dụ độ tuổi, trình độ văn hóa...

*) Tiêu thức số lượng và tiêu thức chất lượng

- Tiêu thức số lượng là tiêu thức thể hiện trực tiếp bằng con số. ví dụ độ tuổi, mức lương...

- Tiêu thức chất lượng là tiêu thức thể hiện không bằng con số. Ví dụ giới tính, quốc tịch, trình độ ngoại ngữ.

*) Tiêu thức thay phiên chỉ có 2 biểu hiện không trùng nhau. Thí dụ: giới tính, sinh tử...

*) Chú ý: Có những tiêu thức thể hiện tương đối tổng hợp nhiều đặc tính của đơn vị tổng thể thì có thể trùng với chỉ tiêu thống kê như năng suất lúa, năng suất lao động, giá thành...

1.3.3 Lượng biến

Lượng biến là biểu hiện cụ thể về lượng của các đơn vị tổng thể theo tiêu thức số lượng.

Ví dụ: Độ tuổi 3,4,5,10,20 tuổi là lượng biến của tiêu thức độ tuổi, biểu hiện mức độ của tiêu thức số lượng. Có hai loại lượng biến: Lượng biến rời rạc và lượng biến liên tục.

- Lượng biến rời rạc là lượng biến mà các giá trị có thể có của nó là hữu hạn hay vô hạn nhưng có thể đếm được.

- Lượng biến liên tục: Là lượng biến mà các giá trị có thể có của nó được lấp kín cả một khoảng trên trục số.

1.3.4 Chỉ tiêu thống kê

*) Khái niệm: Chỉ tiêu thống kê là một khái niệm thể hiện tổng hợp mối quan hệ giữa lượng và chất của hiện tượng hay quá trình kinh tế xã hội trong điều kiện địa điểm và thời gian cụ thể.

*) Đặc điểm của chỉ tiêu thống kê:

- Phản ánh kết quả nghiên cứu thống kê.
- Mỗi chỉ tiêu thống kê phản ánh nội dung mặt lượng trong mối liên hệ với mặt chất về một khía cạnh, một đặc điểm nào đó của hiện tượng.
- Đặc trưng về lượng biểu hiện bằng những con số cụ thể, khác nhau trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể, có đơn vị đo lường và phương pháp tính đã quy định.

*) Các loại chỉ tiêu thống kê:

- Chỉ tiêu thống kê khối lượng: Phản ánh quy mô về lượng của hiện tượng nghiên cứu. Ví dụ tổng số dân, diện tích gieo trồng, số học sinh.
- Chỉ tiêu chất lượng: Phản ánh các đặc điểm về mặt chất của hiện tượng như trình độ phổ biến, mức độ tốt xấu và quan hệ của các tiêu thức. Ví dụ giá thành, giá cả, hiệu quả sử dụng vốn.

*) Hình thức đơn vị đo lường: Có hai hình thức hiện vật và giá trị

- Chỉ tiêu hiện vật là chỉ tiêu thể hiện bằng các số liệu có đơn vị đo lường tự nhiên như cái, con, đơn vị đo chiều dài, trọng lượng.
- Chỉ tiêu giá trị là chỉ tiêu biểu hiện số liệu có đơn vị đo lường là tiền.

1.3.5 Hệ thống chỉ tiêu thống kê

Hệ thống chỉ tiêu thống kê là tập hợp nhiều chỉ tiêu có quan hệ mật thiết với nhau, có thể phản ánh nhiều mặt của hiện tượng hay quá trình kinh tế xã hội trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

- Ai xác định? Tổng cục thống kê.
- Cho từng ngành và toàn nền kinh tế quốc dân.
- Nó được thay đổi và bổ sung, hoàn chỉnh trong các điều kiện lịch sử cụ thể.

1.3.5 Các loại thang đo

Để lượng hóa hiện tượng nghiên cứu, tùy theo tính chất của dữ liệu, thống kê đo lường bằng các loại thang đo sau.

- a) Thang đo định danh

Thang đo định danh là thang đo dùng các mã số để phân loại các đối tượng. Thang đo định danh không mang ý nghĩa nào cả mà chỉ để lượng hóa các dữ liệu cần cho nghiên cứu. Nó thường được sử dụng cho các tiêu thức thuộc tính. Người ta thường dùng các chữ số tự nhiên như 1,2,3,4... để làm mã số.

b) Thang đo thứ bậc

Thang đo thứ bậc là thang đo sự chênh lệch giữa các biểu hiện của tiêu thức có quan hệ thứ bậc hơn kém. Sự chênh lệch này không nhất thiết phải bằng nhau. Nó được dùng cho cả tiêu thức thuộc tính và tiêu thức số lượng.

c) Thang đo khoảng

Thang đo khoảng là thang đo thứ bậc có khoảng cách đều nhau. Nó được dùng cho cả tiêu thức thuộc tính và tiêu thức số lượng. Thang đo khoảng cho phép chúng ta đo lường một cách chính xác sự khác nhau giữa hai giá trị,

d) Thang đo tỷ lệ

Thang đo tỷ lệ là loại thang đo cao nhất trong thống kê. Nó sử dụng các số tự nhiên

Từ 1 đến 9 và 0 để lượng hóa các dữ liệu. Nó được sử dụng chủ yếu cho các tiêu thức số lượng. Ví dụ: Doanh thu của một cửa hàng bán văn phòng phẩm Trâu Quỳ tháng 1/2005 là 200 triệu đồng; Nhiệt độ ngày 2/12/2005 là 23°C

Trong thực tế thang đo rất phức tạp và quan trọng, vì đôi khi chúng ta có thể áp dụng thang đo định tính cho tiêu thức số lượng và ngược lại.

2. Cơ sở lý luận, phương pháp luận của thống kê

2.1. Cơ sở lý luận của thống kê

Cơ sở phương pháp luận của Thống kê xã hội là chủ nghĩa duy vật biện chứng. Thống kê luôn biểu hiện mặt lượng của hiện tượng kinh tế xã hội, thông qua mặt lượng nói lên mặt chất. Thống kê xã hội lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng làm cơ sở lý luận, điều đó được thể hiện trên các phương diện sau:

- Phải phân tích và đánh giá quá trình hoạt động của xã hội trong trạng thái động.

- Xem xét các mặt, các hoạt động, các quá trình kinh doanh của xã hội trong mối quan hệ biện chứng, quan hệ nhân quả.

- Xây dựng các phương pháp đo lường, các chỉ tiêu và các công thức tính toán mang tính hệ thống, logic, . .

2.2. Cơ sở phương pháp luận của thống kê

Cơ sở lý luận của môn học là các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác Lênin. Các môn khoa học này trang bị cho các nhà thống kê hiểu nội dung kinh tế của các chỉ tiêu thống kê một cách sâu sắc.

Ngoài ra, thống kê còn là công cụ phục vụ công tác quản lý, vì vậy phải lấy

đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước làm cơ sở lý luận.

3. Tính liên quan giữa thống kê xã hội với chính sách và thực hành công tác xã hội

a) So sánh các thuộc tính

Bảng so sánh các thuộc tính của chính sách công với pháp luật

Chính sách công	Pháp luật
- Tính nhà nước	- Tính đảm bảo thực hiện bằng nhà nước
- Tính công cộng	- Tính phổ biến
- Tính hành động thực tiễn	- Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- Tính hệ thống	- Tính hệ thống, tính thống nhất
- Tính kế thừa lịch sử	- Tính kế thừa
- Tính gắn với một quốc gia cụ thể	

b) So sánh về chủ thể ban hành và đối tượng điều chỉnh, tác động

	PHÁP LUẬT	CHÍNH SÁCH CÔNG
Chủ thể ban hành	- Nhà nước	- Nhà nước
Đối tượng điều chỉnh, tác động	- Các tầng lớp khác nhau trong xã hội	- Các tầng lớp khác nhau trong xã hội

c) Một số nhận xét

Qua các so sánh cho thấy giữa chính sách công với pháp luật có nhiều điểm tương đồng cụ thể như:

- Chủ thể ban hành pháp luật và chính sách công là nhà nước. Cụ thể hơn là các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách, pháp luật. Ví dụ: Quốc hội, Chính phủ;

- Đối tượng điều chỉnh, tác động là các tầng lớp khác nhau trong xã hội (nhân dân) như: người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Ví dụ: Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 không chỉ điều chỉnh với các đối tượng trong cơ quan nhà nước như cán bộ, công chức, viên chức mà còn tác động với người dân, doanh nghiệp, người lao động, người nước ngoài qua nội dung về cải cách thủ tục hành chính;

- Giữa pháp luật với chính sách công có những điểm tương đồng về một số thuộc tính như: tính nhà nước, tính hệ thống, tính kế thừa và tính công cộng (phổ biến).

Bên cạnh sự tương đồng, giữa chính sách công với pháp luật cũng có sự khác biệt:

- Qua bảng so sánh các thuộc tính của chính sách công với pháp luật cho thấy chính sách công luôn gắn với một quốc gia cụ thể cho dù phạm vi ảnh hưởng của chính sách rộng lớn, liên quan đến nhiều quốc gia khác. Trong khi đó pháp luật quốc tế ngoài chủ thể là quốc gia còn có các chủ thể khác như: các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế, các dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết. Như vậy xét trên phương diện chủ thể (khác với chủ thể ban hành) có sự khác nhau về đối tượng, phạm vi của chủ thể giữa pháp luật với chính sách công;

- Có một sự khác biệt nữa giữa pháp luật với chính sách công có liên quan đến chủ thể là thời điểm xuất hiện và quy trình, cách thức để trở thành chủ thể. Chủ thể ban hành chính sách công được xác định ngay khi chính sách đó được ban hành nhưng chủ thể của pháp luật quốc tế (một bộ phận của pháp luật quốc gia) có quyền gia nhập trong quá trình áp dụng. Ví dụ: Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em (Công ước về quyền trẻ em) được đưa ra ký ngày 20/11/1989 và có hiệu lực ngày 02/9/1990 khi được 20 quốc gia phê chuẩn và gia nhập. Đến nay đã có 193 quốc gia tham gia, như vậy có 173 chủ thể gia nhập sau ngày Công ước có hiệu lực (hai quốc gia là Hoa Kỳ và Somalia chưa gia nhập).

Ngoài các nhận xét nêu trên, từ góc độ nghiên cứu tác giả bài viết cho rằng giữa chính sách công với pháp luật còn có mối liên hệ giữa nội dung và

hình thức. Ví dụ: Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. Nội dung của văn bản thể hiện chính sách của Nhà nước đối với người có công. Hình thức văn bản (thể hiện qua tên gọi) là Pháp lệnh. Như vậy giữa pháp luật với chính sách công ngoài sự tương đồng, khác biệt còn có mối liên hệ thống nhất giữa nội dung với hình thức thể hiện. Đây là những bổ sung mới trong so sánh giữa chính sách công với pháp luật từ góc độ khoa học tổ chức nhà nước.

Trên đây là một số nội dung nghiên cứu về chính sách công từ góc độ tiếp cận của khoa học tổ chức nhà nước. Ngoài các nội dung trên còn có những nội dung khác như: đánh giá chính sách công về tổ chức nhà nước; các yếu tố và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đối với chính sách công; chính sách công về tổ chức nhà nước... sẽ được tiếp tục nghiên cứu, giới thiệu sau./.

Chương 2: Quá trình nghiên cứu của thống kê

1. Điều tra thống kê

1.1 Khái niệm

Sau khi xác định được nội dung nghiên cứu biểu hiện bằng hệ thống chỉ tiêu cụ thể, người ta tiến hành thu thập tài liệu cần thiết của từng đơn vị tổng thể thuộc đối tượng nghiên cứu. Việc thu thập thông tin của từng đơn vị cụ thể gọi là điều tra thống kê. Điều tra thống kê thường tiến hành điều tra các hiện tượng như là: tình hình dân số, tình hình sản xuất của doanh nghiệp, sản lượng các loại cây trồng...

Định nghĩa: Điều tra thống kê là tổ chức thu thập tài liệu về hiện tượng nghiên cứu một cách khoa học và theo khái niệm thống nhất, dựa trên hệ thống chỉ tiêu đã xác định.

Điều 3 luật thống kê 2003 định nghĩa: “ Điều tra thống kê là hình thức thu thập thông tin thống kê theo phương án điều tra”. Định nghĩa này hoàn toàn phù hợp với khái niệm nêu trên bởi lẽ phương án điều tra thống kê sẽ quy định rõ về mục đích, ý nghĩa, toàn bộ quá trình tổ chức, điều kiện thời gian, không gian ... của cuộc điều tra. Tính khoa học, tính kế hoạch của cuộc điều tra được thể hiện rõ trong phương án này.

Thống kê nghiên cứu hiện tượng số lớn, do đó việc thu thập tài liệu thường tiến hành trong phạm vi rộng, gồm nhiều đơn vị tổng thể rất phức tạp, đòi hỏi việc thu thập tài liệu phải được chuẩn bị chu đáo, tổ chức khoa học và

theo kế hoạch thống nhất, mới đem lại kết quả điều tra đúng đắn, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu.

Điều tra thống kê được thực hiện đối với các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong trường hợp:

- Thu thập những thông tin thống kê từ các tổ chức không phải từ chế độ báo cáo thống kê.

- Khi cần bổ sung thông tin từ các tổ chức có thực hiện chế độ báo cáo thống kê.

- Thu thập thông tin từ các hộ hoặc các cơ sở kinh doanh cá thể, hộ gia đình, cá nhân.

- Thu thập thông tin thống kê khi có nhu cầu đột xuất.

Ví dụ: Để tiến hành công tác tổng kiểm kê đất đai trên toàn quốc chúng ta phải tiến hành thu thập tài liệu, số liệu, bản đồ,...trên địa bàn từng xã, huyện, tỉnh do đó công tác chuẩn bị và tiến hành công tác này rất công phu.

- Điều tra dân số trên quy mô toàn quốc, chúng ta phải tiến hành thu thập tài liệu về từng người dân như: Họ tên, tuổi, giới tính trình độ văn hóa, dân tộc, tôn giáo,...

1.2. Ý nghĩa và nhiệm vụ của điều tra thống kê

Đây là giai đoạn đầu của quá trình nghiên cứu thống kê. Nó có nhiệm vụ thu thập số liệu ban đầu để làm căn cứ cho các bước tiếp theo của quá trình nghiên cứu thống kê. Số liệu điều tra thống kê là cơ sở để xây dựng kế hoạch và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, phát triển kinh tế văn hóa, xã hội. Nó giúp Đảng và nhà nước nắm được thực trạng nền kinh tế đất nước, từ đó có biện pháp tích cực để khai thác tài nguyên khoáng sản và nhân lực của đất nước. Trên cơ sở tài liệu của điều tra thống kê Đảng và nhà nước có chủ trương đường lối chính sách phát triển và quản lý kinh tế xã hội phù hợp.

Điều tra thống kê, nếu được tổ chức theo những nguyên tắc khoa học, chặt chẽ sẽ đáp ứng được nhiều yêu cầu khác nhau về lý thuyết cũng như thực tế.

*) Trước hết, tài liệu do điều tra thống kê thu được là căn cứ tin cậy để kiểm tra, đánh giá thực trạng của hiện tượng nghiên cứu. Điều tra thống kê sẽ giúp cho các doanh nghiệp, các tổ chức và đặc biệt là các cơ quan quản lý sẽ đánh giá khách quan, chính xác hơn về tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa. Từ đó,

các doanh nghiệp có thể đưa ra những chiến lược phát triển cho công ty mình để thu được nhiều lợi nhuận hơn từ việc đầu tư kinh doanh. Nhà nước nắm được tình trạng của đất nước, có biện pháp tích cực để khai thác tài nguyên khoáng sản và nhân lực của đất nước và từ đó đề ra được chủ trương đường lối chính sách phát triển cho đất nước.

*) Thứ hai, tài liệu điều tra là cơ sở tiến hành các bước tiếp theo của quá trình nghiên cứu thống kê. Vì thế, tài liệu điều tra phải được thu thập theo đúng nội dung và đảm bảo đầy đủ về số lượng chỉ tiêu, số lượng chỉ tiêu, số đơn vị tổng thể. Mặt khác, tài liệu điều tra phải cung cấp đúng thời gian quy định mới tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành các bước tiếp theo của quá trình nghiên cứu thống kê.

*) Thứ ba, Những tài liệu điều tra thống kê cung cấp một cách hệ thống còn là căn cứ cho việc phát hiện, xác định xu hướng, quy luật biến động của hiện tượng và dự đoán tình hình trong tương lai. Đây là một căn cứ quan trọng để giúp cho các công ty nắm bắt được xu thế phát triển để có quyết định kinh doanh chính xác.

2. Các phương pháp điều tra thống kê và phương pháp thu thập tài liệu, hình thức điều tra thống kê

Trong điều tra thống kê là một vấn đề cốt lõi để đưa đến phân tích, kết luận chính xác trong nghiên cứu thống kê. Chính vì vậy phương pháp thu thập thông tin cũng rất cần được quan tâm. Nhưng khi tiếp xúc với một đối tượng hay một cuộc điều tra thì tùy thuộc vào điều kiện thực tế và đặc điểm của hiện tượng nghiên cứu, khả năng về tài chính, thời gian, kinh nghiệm, trình độ của nhân viên điều tra mà ta cần phải lựa chọn phương pháp điều tra thích hợp để đạt được những thông tin tốt nhất.

2. 1. Phương pháp điều tra trực tiếp

Là phương pháp ghi chép tài liệu ban đầu mà nhân viên điều tra phải tiếp xúc với đối tượng điều tra, trực tiếp tiến hành cân đo, đo đếm và ghi chép tài liệu vào phiếu điều tra. Kết quả điều tra trực tiếp đảm bảo mức độ chính xác cao, có thể phát hiện sai sót để chỉnh lý kịp thời. Phương pháp này tốn kém về chi phí và thời gian, vì vậy theo yêu cầu nghiên cứu mà người ta áp dụng phương pháp điều tra trực tiếp hay gián tiếp. VD: Thống kê vật liệu tồn kho, kiểm kê tài sản cố định....

2.2. Phương pháp điều tra gián tiếp

Là phương pháp thu thập thông tin mà nhân viên điều tra có được qua sự trả lời của đơn vị điều tra qua điện thoại, phiếu điều tra, báo cáo thống kê, thư từ, fax, internet.

- Phương pháp phỏng vấn viên điều tra (phỏng vấn trực tiếp): nhân viên điều tra gặp trực tiếp đối tượng điều tra đặt câu hỏi và nghe câu trả lời.

- Phương pháp tự ghi báo cáo: Đối tượng được điều tra sau khi nghe hướng dẫn tự ghi số liệu vào phiếu điều tra rồi nộp cho cơ quan điều tra

- Phương pháp thông tấn (gửi thư): Cơ quan điều tra và đối tượng điều tra không trực tiếp gặp nhau mà chỉ trao đổi tài liệu hướng dẫn và phiếu điều tra bằng cách thông qua bưu điện.

Kết quả điều tra phụ thuộc vào đơn vị điều tra, chất lượng và mức độ chính xác của tài liệu còn hạn chế, nhân viên điều tra khó phát hiện sai sót để xử lý kịp thời. Phương pháp này ưu điểm là tiến hành nhanh gọn, kịp thời và đỡ tốn kém.

Bên cạnh đó, người ta thường chia thành các phương pháp sau:

a. Phương pháp phỏng vấn viết

Là phương pháp phỏng vấn trong đó sự tiếp xúc giữa người hỏi và người trả lời thông qua bảng hỏi người trả lời tự điền câu trả lời vào bảng hỏi.

Đặc điểm:

- Bảng hỏi là vấn đề quan trọng
- Cần chú ý đến những vấn đề về tâm lý khi đặt câu hỏi và những nguyên tắc tâm lý trong việc sắp xếp bảng hỏi đều phải hướng vào người trả lời.

Ưu điểm:

- Tiết kiệm thời gian và chi phí cũng như công sức cán bộ điều tra
- Thông tin thu được khách quan, không bị ảnh hưởng bởi thái độ người hỏi.

- Dễ trả lời những vấn đề tế nhị

- Nguyên tắc nặc danh được đảm bảo trong phỏng vấn

Hạn chế:

- chất lượng thông tin thu được không thật cao
- không biết được thái độ người trả lời

Lưu ý: trong phương pháp này muốn tăng số phiếu trả lời cần chú ý một số biện pháp như:

- Tạo điều kiện dễ dàng tối đa cho việc trả lời
- Gửi thư nhắc lại kèm theo bảng câu hỏi đề phòng thư lần trước thất lạc.
- Khuyến khích vật chất.

b. phương pháp phỏng vấn trực diện

Là phương pháp mà người phỏng vấn và người trả lời tham gia một cuộc nói chuyện riêng hay còn gọi là trò chuyện có chủ định. Tức đây là một cuộc nói chuyện có mục đích và là quá trình giao tiếp một chiều do người phỏng vấn điều kiện.

Ưu điểm:

- Việc tiếp xúc trực tiếp tạo ra những điều kiện đặc biệt để hiểu đối tượng sâu sắc hơn.

- Do tiếp xúc trực tiếp nên đã đồng thời kết hợp phỏng vấn với quan sát.
- Có thể phát hiện sai sót và xử lý kịp thời.

Hạn chế:

- Tốn kém hơn về thời gian, chi phí và con người.
- Tổ chức điều tra khó hơn.
- Không cẩn thận câu trả lời sẽ bị ảnh hưởng bởi thiên kiến của điều tra viên.

Lưu ý: cuộc phỏng vấn phải đảm bảo không gây hậu quả cho người được phỏng vấn về bản thân những giả định của người phỏng vấn và đảm bảo nguyên tắc nặc danh.

Phỏng vấn trực diện nếu phân theo nội dung và trình tự phỏng vấn thì có 5 loại là: phỏng vấn tiêu chuẩn hóa, phỏng vấn bán tiêu chuẩn, phỏng vấn tự do, phỏng vấn sâu và phỏng vấn định hướng. ngoài ra phỏng vấn trực diện còn được phân theo đối tượng tiếp xúc, gồm có hai loại là: phỏng vấn cá nhân và phỏng vấn nhóm.

c. Phương pháp phỏng vấn qua điện thoại

Phương pháp phỏng vấn qua điện thoại là một loại phỏng vấn trực diện nhưng người phỏng vấn và đối tượng phỏng vấn không gặp mặt trực tiếp.

Ưu điểm:

- Tiết kiệm hơn.

-Khách quan hơn.

Hạn chế:

- Mất nhiều công sức để chọn số điện thoại mà đôi khi vẫn không được như mong muốn.

-Làm giảm hưng thú khi phỏng vấn qua điện thoại.

- Việc đưa ra các gợi ý hay hỗ trợ thêm bằng quan sát là khó thực hiện được.

d .Phương pháp quan sát

Phương pháp quan sát là phương pháp thu thập thông tin bằng tri giác trực tiếp trong điều kiện hoàn cảnh tự nhiên và ghi chép lại. Phương pháp này còn dùng trong việc nghiên cứu dự định,thăm dò khi chưa có khái niệm rõ ràng về vấn đề nghiên cứu và không có yêu cầu về tính đại diện. Phương pháp này còn dùng trong việc nghiên cứu miêu tả với quy mô không lớn và thường được dùng để thu thập thông tin sơ cấp.

Hạn chế:

- Đòi hỏi nhiều công sức và chi phí.

- Nhiều nội dung khác trong nghiên cứu không thể thực hiện được bằng e. phương pháp quan sát.

* theo tính chất tham gia,phương pháp quan sát được chia làm hai loại:

- Quan sát có tham dự:Là hình thức quan sát trong đó người quan sát trực tiếp tham ra vào quá trình hoạt động của đối tượng quan sát.gồm có quan sát kín, quan sát trung lập quan sát tham dự thông thường và quan sát tham dự tích cực.

Phương pháp này có thể thu thập được thông tin một cách toàn diện,tránh được các ấn tượng tức thời ngẫu nhiên.tuy nhiên nếu tham dự tích cực hoặc quá lâu có thể mang lại hậu quả không tốt,chẳng hạn mất tính khách quan trong việc thu thập thông tin hay chủ quan bỏ những diễn biến mới trong phản ứng của các thành viên trong tập thể.

- Quan sát không tham dự(quan sát từ bên ngoài)

Trong phương pháp này người quan sát hoàn toàn đứng ngoài không can thiệp vào quá trình xảy ra và không đặt câu hỏi.Do đặc điểm đó nên khi dùng phương pháp này thường không thấy được nội tình do vậy những điều giải thích không phải lúc nào cũng đúng.